TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/DS-PT

Ngày 22-11-2019

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp.

Các Thẩm phán: Ông Quản Hữu Chiến, ông Lò Văn Điệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Trúc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La***: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/DS-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Thuận Châu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lường Văn Th1; Địa chỉ: Bản V, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cầm Hải Du, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý, của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Lường Văn Th2. Địa chỉ: Bản V, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Lường Thị N. Địa chỉ: Bản V, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lường Văn Th1 (là nguyên đơn trong vụ án).

Bà Lò Thị D. Địa chỉ: Bản V, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lường Văn Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phía nguyên đơn ông Lường Văn Th1 trình bày:*

Năm 2002, ông Lường Văn Th1 được UBND huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, cấp quyền sử dụng 15.900 m^2 (Mười lăm nghìn chín trăm mét vuông) đất iia-BV-PT, thời hạn 50 năm tại bản Chiềng Ve B (nay là bản V) xã E, huyện Thuận Châu. Năm 2016, anh Lường Văn Th2 đã có hành vi lấn chiếm 1.980 m^2 đất trong số 15.900 m^2 đất rừng bảo vệ và phát triển thuộc quyền sử dụng của ông Th1, do vậy ông Th1 làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Th2 trả lại toàn bộ diện tích đất rừng đã lấn chiếm.

Về phía bị đơn anh Lường Văn Th2 trình bày:

Diện tích đất tranh chấp giữa ông Th1 với anh Th2 khoảng 1.980 m^2 tại bản Chiềng V B (nay là bản V), xã E, huyện Thuận Châu, phần đất tranh chấp có tứ cận như sau: 01 mặt giáp đất ông Lò Văn C; 02 mặt giáp đất rừng thuộc quyền quản lý của hộ gia đình anh Lường Văn Th2; 01 mặt giáp đất rừng ma bản V.

Theo anh Th2 diện tích đất tranh chấp là đất bỏ hoang, vợ chồng anh tự khai phá, cải tạo thành đất ruộng + ao từ năm 2016. Anh Th2 yêu cầu ông Th1 chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc 15.900 m^2 đất rừng bảo vệ và phát triển do nhà nước giao cho hộ gia đình ông Lường Văn Th1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị D trình bày: Không nhất trí với yêu cầu của ông Lường Văn Th1 và yêu cầu ông Th1 chứng minh diện tích đất tranh chấp thuộc đất của ông Th1 được Nhà nước giao quyền sử dụng, nếu đúng là đất của ông Th1 thì nhất trí trả lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lường Văn Th1 đối với anh Lường Văn Th2 về: Yêu cầu đòi lại quyền sử dụng 1.980 m^2 đất rừng tại khoảnh 02, tiểu khu 211, thuộc địa phận bản V B, xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 7 năm 2019 nguyên đơn ông Lường Văn Th1 có đơn kháng cáo không nhất trí với Bản án dân sự sơ thẩm và có đơn đề nghị xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự như sau:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ việc không đúng; kết quả xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm là không chính xác đất tranh chấp không đúng với vị trí đất ông Th1 được cấp, việc thẩm định không có cơ quan chuyên môn tham gia; anh Th2 tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã lấn chiếm của ông Th1 là vi phạm pháp luật; cấp sơ thẩm không đưa bản V, UBND xã E, đơn vị quản lý đất rừng và ông Lò Văn C tham gia tố tụng; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp không cụ thể; luật sư đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn sửa án sơ

thẩm theo hướng có lợi cho Nguyên đơn hoặc giao vụ án về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Ông Lường Văn Th1: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nhất trí với ý kiến của luật sư Cầm Hải Du.

Anh Lường Văn Th2: Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lường Văn Th1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Chị Lò Thị D: Đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các đương sự; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ngày 04/8/2017 ông Lường Văn Th1 có đơn khởi kiện yêu cầu anh Lường Văn Th2 trả lại 1.890m^2 đất rừng do anh Th2 lấn chiếm trong tổng số 15.900 m2 đất iia-BV-PT thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Th1, theo GCNQSDĐ số: V 113252 ngày 06/9/2002 mang tên Lường Văn Th1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là anh Lường Văn Th2 là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được đã xác định trong tổng số 1.890 m^2 đất rừng ông Th1 khởi kiện yêu cầu anh Th2 trả lại thì gồm có các diện tích đất thuộc quyền sử dụng của anh Lường Văn Th2, của ông Lò Văn C và của Cộng đồng bản V B. Luật sư cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông C và bản V B (nay là bản V), UBND xã E và đơn vị giao đất rừng cho các hộ đang tranh chấp vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm đại diện bản V B không yêu cầu giải quyết về quyền lợi liên quan đến vụ án (không yêu cầu anh Th2 trả lại đất cho cộng đồng bản, mà đề nghị giao cho ông Th1); ông Lò Văn C được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nhưng do không nộp chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ nên Tòa án sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của ông C, nên không đưa ông C và bản V B vào tham gia tố tụng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định ông Lò Văn C và Cộng đồng bản V B có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc tranh chấp bằng một vụ án khác là đúng với quy định của pháp luật vẫn đảm bảo quyền lợi của ông Lò Văn C và bản V do đó tuy cấp sơ thẩm không đưa những người này tham gia tố tụng trong vụ án thì cũng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của họ. Đối với UBND xã E và đơn vị giao đất

rừng cho ông Th1, ông Th2, xét không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc tranh chấp nêu trên, ngoài ra theo ý kiến luật sư thì việc tự ý sử dụng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đang tranh chấp của anh Lường Văn Th2 nếu có vi phạm thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận các ý kiến về việc đưa người tham gia tố tụng và xử lý vi phạm đối với anh Lường Văn Th2 của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã đưa ra.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *'Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai",* tuy không sai về bản chất và không ảnh hưởng đến giải quyết về nội dung vụ án, nhưng việc xác định quan hệ pháp luật nêu trên là quá rộng (được quy định chung tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự), do đó cần phải xác định quan hệ pháp luật cụ thể hơn là tranh chấp quyền sử dụng đất, do đó Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lường Văn Th1:

Hội đồng xét xử nhận thấy, về nguồn gốc đất ông Th1 được quyền sử dụng 15.900 m^2 đất theo GCNQSDĐ số V: 113252 cấp ngày 06/9/2002 thuộc thửa số 60 tờ bản đồ số 10-382452, tiểu khu 211, khoảnh 2, lô f1; anh Th2 được sử dụng 22.300 m^2 đất theo GCNQSDĐ số V: 113245 cấp ngày 06/9/2002 thuộc thửa số 67 tờ bản đồ số 10-382452; ông Th1 và anh Th2 đều được giao đất vào năm 2002. Quá trình sử dụng đất ổn định từ lúc giao đất đến năm 2017 phát sinh tranh chấp do ông Th1 cho rằng anh Th2 san ủi làm nhà, ao ruộng trên đất của ông Th1, tranh chấp đã được UBND xã E, huyện Thuận Châu hòa giải nhưng không thành.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/01/2018 của cấp sơ thẩm đã xác định tổng diện tích đất tranh chấp là 2.756 m^2 được chia làm 04 mảnh thuộc quyền sử dụng của các hộ khác nhau, cụ thể:

+ Mảnh 01 là 62 m^2 (*Sáu mươi hai mét vuông)* thuộc lô f2, k2, tk 221 thuộc quyền sử dụng của ông Lường Văn Th2;

+ Mảnh 02 là 431 m^2 (*Bốn trăm ba mươi mốt mét vuông)* thuộc lô y, khoảnh 2, tk 211 thuộc quyền sử dụng của ông Lò Văn C;

+ Mảnh 3 là 2.153 m^2 *(Hai nghìn một trăm năm mươi ba mét vuông*) thuộc đất nông nghiệp của bản V B;

+ Mảnh 04 là 110 m^2 (*Một trăm mười mét vuông*) thuộc lô f2, k2, tk 221 thuộc quyền sử dụng của ông Lường Văn Th2.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Lường Văn Th1 cho rằng việc xác định vị trí diện tích đất đang tranh chấp của Tòa án cấp sơ thẩm là không chính do đó yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định lại.

Ngày 15/11/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ trên cơ sở thống nhất chỉ dẫn của các đương sự về ranh giới đất đang tranh chấp, đã xác định được diện tích đất tranh chấp theo 09 điểm tọa độ (tên xứ đồng là Ten Ta Hán, bản V B, xã E, huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La) đất thuộc lô f2, khoảnh 2, tiểu khu 211, cụ thể: tổng diện tích đất đang tranh chấp được xác định lại là 4.548 m^2 gồm 03 mảnh, trong đó:

+ Mảnh 1: diện tích 547 m^2 thuộc lô f2, khoảnh 2 tiểu khu 211 chủ rừng là anh Lường Văn Th2;

+ Mảnh 2: diện tích 1.655 m^2 thuộc lô y, khoảnh 2 tiểu khu 211 chủ rừng là ông Lò Văn C.

+ Mảnh 3: diện tích 2.346 m^2 thuộc đất nông nghiệp khác (không giao đất giao rừng).

Tuy kết quả xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm có sự thay đổi và khác nhau về diện tích, nhưng gianh giới các mặt tiếp giáp đất khác của diện tích đất đang tranh chấp và vị trí tọa độ cơ bản trùng nhau. Mặt khác, hai kết quả xem xét thẩm định nêu trên đều xác định được diện tích đất đang tranh chấp không thuộc phần diện tích đất rừng được giao cho ông Lường Văn Th1 như ông Th1 đã xác định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lường Văn Th1 xác định đất đang tranh chấp là của ông được chứng minh bằng các chứng cứ như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng, sơ đồ giao đất rừng, ý kiến của một số người làm chứng và kết quả tại phiên hòa giải ở UBND xã E (Biên bản hòa giải ngày 05/5/2017 tổ hòa giải tranh chấp đất đai UBND xã Mường É đã kết luận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Th1), nhưng việc kết luận của tổ hòa giải tranh chấp đất đai UBND xã Mường E ông phải là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của ông Th1 về nội dung này.

Việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án để xác định vị trí diện tích đất đang tranh chấp với thành phần tham gia thẩm định tại chỗ đảm bảo đúng quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự (cụ thể: có sự tham gia của đại diện UBND xã E, bản V, các đương sự, luật sư và cơ quan chuyên môn). Trên cơ sở đối chiếu các tài liệu như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng của ông Th1, anh Th2 được cấp năm 2002; trích lược bản đồ giao đất, giao rừng năm 2002 của UBND huyện Thuận Châu; Sổ địa chính; Sổ mục kê; Biên bản giao đất, giao rừng tại bản V; kết quả xác định vị trí tọa độ gianh giới đất đang tranh chấp, cơ quan chuyên môn đã đưa ra kết luận vị trí diện tích đất tranh chấp nêu trên là có căn cứ, nên ý kiến của luật sư cho rằng thành phần và kết quả việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án không đầy đủ, không đúng là không có cơ sở.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy việc giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng: Do kháng cáo không được chấp nhận và giữa các đương sự không có thỏa thuận khác nên người kháng cáo ông Lường Văn Th1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.500.000 đồng (ông Th1 đã nộp đủ).

[4] Về án phí: Ông Lường Văn Th1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Do kháng cáo của nguyên đơn ông Lường Văn Th1 không được chấp nhận và vụ án không bị kháng nghị, nên các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lường Văn Th1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lường Văn Th1 đối với anh Lường Văn Th2 về: Yêu cầu đòi lại quyền sử dụng 1.980 m^2 đất rừng tại khoảnh 02, tiểu khu 211, thuộc địa phận bản V B (nay là bản V), xã E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí: Ông Lường Văn Th1 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ đủ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002633 ngày 12 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu.

3. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Lường Văn Th1 phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm là 3.500.000 đồng (ông Lường Văn Th1 đã nộp đủ).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được giữ nguyên. (theo bản án sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Huy Hiệp